

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN CÁC THÔNG SỐ ĐỘNG HỌC ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ KỸ THUẬT ĐÁM CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN BOXING ĐỘI TUYỂN TRẺ QUỐC GIA

ThS. Mai Xuân Trúc¹; ThS. Phan Hoàng Lan²

Tóm tắt: Quá trình nghiên cứu sử dụng thiết bị đo xung lực SM 103 gồm: 1/ áo đo bơm hơi đến 80 mm thủy ngân, treo lên bao tập; 2/ cảm biến áp suất và tiền khuếch đại; 3/bộ truyền tín hiệu vô tuyến; 4/ bộ thu tín hiệu truyền bằng vô tuyến; 5/ thiết bị ngoại vi, máy tính và phần mềm điều khiển để đánh giá các thông số động học một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia. Giúp các huấn luyện viên đánh giá kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia để kịp thời điều chỉnh quá trình huấn luyện cho đối tượng nghiên cứu

Từ khóa: Tiêu chuẩn đánh giá, thông số động học, kỹ thuật đấm, Nam VĐV Boxing, đội tuyển trẻ quốc gia

Tóm tắt: The research process using impulse measuring device SM 103 includes: 1/ Inflatable jacket to 80 mm mercury, hanging on the training bag; 2/ pressure sensor and preamplifier; 3/ radio transmitters; 4/ receiver for radio transmissions; 5/ Peripheral devices, computers and control software to evaluate the kinematic parameters of some punching techniques of the national youth boxing team. Help coaches evaluate the punching technique of the national youth boxing team to promptly adjust the training process for the research subjects.

Keywords: Evaluation criteria, kinematic parameters, punching technique, male boxing athlete, national youth team

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm vừa qua, phong trào tập luyện cũng như thi đấu của môn Boxing phát triển mạnh, cơ sở vật chất, sân bãi tập luyện, dụng cụ tập luyện tương đối đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu tập luyện cũng như thi đấu giành huy chương của các vận động viên (VĐV) Boxing đội tuyển trẻ quốc gia khá tốt.

Tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế về thể lực đặc biệt là các kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia. Trong đó việc sử dụng thiết bị đo xung lực SM 103 để đánh giá kỹ thuật đấm để kịp thời điều chỉnh quá trình huấn luyện cho chưa được thực hiện. Rõ ràng các kỹ thuật đấm nếu không tốt sẽ làm giảm thành tích thi đấu của các VĐV.

Qua tìm hiểu, tham khảo một số tài liệu và công trình nghiên cứu liên quan tới các môn võ và Boxing đã có một số tác giả nghiên cứu như: Trần Tuấn Hiếu (1997),(2004); Đỗ Tuấn Cường (2008; Mai Thị Bích Ngọc (2011); Lê Anh Dũng (2012); Lưu Quốc Hưng, Trần Tuấn Hiếu (2014); Nguyễn Huy Hiếu (2012); Đỗ Như Quỳnh (2012)...Tuy nhiên các tác giả này chủ yếu tiến hành nghiên cứu xây dựng các tiêu chuẩn tuyển

chọn, tiêu chuẩn đánh giá và các bài tập tổ chức thể lực chuyên môn trong môn võ của mình, mà chưa có tác giả nào nghiên cứu về các thông số động học đánh giá một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia...

Trên cơ sở phân tích ý nghĩa tầm quan trọng và tính bức thiết của vấn đề này, chúng tôi mạnh dạn nghiên cứu: **Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá các thông số động học đánh giá một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia.**

Quá trình nghiên cứu sử dụng thiết bị đo xung lực SM 103 gồm: 1/ áo đo bơm hơi đến 80 mm thủy ngân, treo lên bao tập; 2/ cảm biến áp suất và tiền khuếch đại; 3/bộ truyền tín hiệu vô tuyến; 4/ bộ thu tín hiệu truyền bằng vô tuyến; 5/ thiết bị ngoại vi, máy tính và phần mềm điều khiển.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

2.1. Lựa chọn các thông số động học đánh giá một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia.

Tiến hành lựa chọn các thông số động học đánh giá một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia thông qua các bước:

- Lựa chọn qua tham khảo tài liệu, quan sát

1. Viện khoa học TDTT

2. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Bảng 1. Lựa chọn các thông số động học một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia (n = 20)

TT	Các thông số sử dụng	Kết quả sử dụng							
		Ưu tiên 1 (3đ)		Ưu tiên 2 (2đ)		Ưu tiên 3 (1đ)		Tổng điểm (60)	%
		n	Đ	n	Đ	n	Đ		
1	Đấm xóc tấn công vùng đầu tay trước	13	39	5	10	2	2	51	85.00
2	Đấm xóc tấn công vùng đầu tay sau	13	39	7	14	0	0	53	88.33
3	Đấm xóc tấn công vùng bụng tay trước	13	39	5	10	2	2	51	85.00
4	Đấm xóc tấn công vùng bụng tay sau	12	36	6	12	2	2	50	83.33
5	Kỹ thuật phòng thủ, phản công ra đòn móc tay sau vùng đầu	2	6	6	12	12	12	30	50.00

sự phạm

- Lựa chọn qua phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia, giáo viên, huấn luyện viên

- Lựa chọn qua phỏng vấn trên diện rộng bằng phiếu hỏi

- Xác định tính thông báo của các thông số

- Xác định độ tin cậy của các thông số

Kết quả được trình bày tại bảng 1. Qua bảng 1 lựa chọn được 04 các thông số động học đánh giá một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia gồm: *Thông số 1: Đấm xóc tấn công vùng đầu tay trước; Thông số 2: Đấm xóc tấn công vùng đầu tay sau; Thông số 3: Đấm xóc tấn công vùng bụng tay trước; Thông số 4: Đấm xóc tấn công vùng bụng tay sau.*

2.2. Xây dựng tiêu chuẩn phân loại thông số động học đánh giá một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia.

Để phân loại thông số động học đề tài sử dụng phương pháp 2đ cho phép người tiến hành nghiên cứu đánh giá được kết quả kiểm tra. Kết quả tính toán được trình bày tại bảng 2 và 3. Kết quả phân loại được tiến hành như sau:

Giỏi: $> \bar{x} + 2\delta$

Khá: $\bar{x} + \delta \rightarrow \bar{x} + 2\delta$

Trung bình: $\bar{x} - \delta \rightarrow \bar{x} + \delta$

Yếu: $\bar{x} - 2\delta \rightarrow \bar{x} - \delta$

Kém: $< \bar{x} - 2\delta$

Qua hai bảng 2 và 3 để xác định test theo từng chỉ tiêu thông số động học của VĐV nào đó được xếp loại nào, cần tuân thủ theo quy trình gồm 3 bước sau đây:

- Bước 1: Xác định độ tuổi của đối tượng nghiên cứu.

- Bước 2: Xác định giá trị lập test của đối tượng nghiên cứu.

- Bước 3: Căn cứ các bảng phân loại tương ứng theo lứa tuổi để xác định trình độ theo tiêu chuẩn.

2.3. Xây dựng bảng điểm thông số động học đánh giá một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia.

Để xây dựng bảng điểm thông số động học đánh giá một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia (Tổng số 09 nam VĐV và 09 nữ VĐV); thông qua xây dựng tiêu chuẩn phân loại và chúng tôi sử dụng quy tắc 2đ tiến hành để đánh giá kết quả kiểm tra của từng chỉ tiêu riêng biệt mà không phải tiến hành kiểm tra đồng bộ, tổng thể tất cả các chỉ tiêu, đồng thời tiến hành quy đổi tất cả các chỉ tiêu trên sang đơn vị đo lường trung gian theo thang độ C (Thang độ được tính từ điểm 1 đến 10) với công thức $C = 5 + 2Z$, riêng đối với các Test tính thành tích bằng thời gian thì sử dụng công thức $C = 5 - 2Z$

Kết quả tính toán được trình bày ở bảng 4 và 5.

Qua bảng 4 và 5 cho thấy: Các bảng điểm thông số động học đánh giá một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia. Rất thuận tiện cho việc sử dụng để đánh giá theo điểm từng chỉ tiêu đánh giá sức mạnh tốc độ theo từng nội dung của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia.

2.4. Xây dựng bảng điểm tổng hợp thông số động học đánh giá một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia.

Từ kết quả tìm được tại bảng 4 và 5, chúng

Bảng 2. Kết quả các thông số kỹ thuật Đấm xóc của nam VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia (n=9)

TT	Thông số	Đấm xóc tấn công vùng đầu						Đấm xóc tấn công vùng bụng					
		Tay trước			Tay sau			Tay trước			Tay sau		
		Max	Min	$\bar{x} \pm \delta$	Max	Min	$\bar{x} \pm \delta$	Max	Min	$\bar{x} \pm \delta$	Max	Min	$\bar{x} \pm \delta$
1	T (s)	0.82	0.63	0.67 ± 0.12	0.86	0.62	0.69 ± 0.10	0.82	0.57	0.70 ± 0.08	0.86	0.61	0.73 ± 0.09
2	F (KG)	132	106	122 ± 9	135	106	123 ± 10	141	121	128 ± 6.6	142	122	132 ± 6
3	D (s)	0.069	0.057	0.064 ± 0.01	0.075	0.051	0.066 ± 0.01	0.08	0.06	0.07 ± 0.01	0.08	0.05	0.07 ± 0.01
4	SQ	174	112	149 ± 21	182	112	152 ± 24	199	146	166 ± 17	182	149	171 ± 11

Bảng 3. Kết quả các thông số kỹ thuật Đấm xóc của Nữ VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia (n=9)

TT	Thông số	Đấm xóc tấn công vùng đầu						Đấm xóc tấn công vùng bụng					
		Tay trước			Tay sau			Tay trước			Tay sau		
		Max	Min	$\bar{x} \pm \delta$	Max	Min	$\bar{x} \pm \delta$	Max	Min	$\bar{x} \pm \delta$	Max	Min	$\bar{x} \pm \delta$
1	T (s)	0.91	0.63	0.77 ± 0.07	0.85	0.62	0.74 ± 0.06	0.90	0.69	0.78 ± 0.07	0.86	0.66	0.78 ± 0.06
2	F (KG)	113	97	106 ± 5	134	92	110 ± 13	115	78	104 ± 10	125	93	111 ± 9
3	D (s)	0.07	0.04	0.06 ± 0.01	0.07	0.04	0.06 ± 0.01	0.07	0.05	0.06 ± 0.01	0.08	0.04	0.06 ± 0.01
4	SQ	128	94	113 ± 11	180	85	123 ± 28	132	61	108 ± 20	182	86	124 ± 21

Bảng 4. Bảng tiêu chuẩn các thông số kỹ thuật Đấm xóc của nam VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia (n = 9)

Thông số	Đấm xóc tấn công vùng đầu								Đấm xóc tấn công vùng bụng							
	Tay Trước				Tay sau				Tay Trước				Tay sau			
	T (s)	F (KG)	D (s)	SQ	T (s)	F (KG)	D (s)	SQ	T (s)	F (KG)	D (s)	SQ	T (s)	F (KG)	D (s)	SQ
Rất tốt	0.44	139	0.73	191	0.49	143	0.08	200	0.55	142	0.08	200	0.55	139	0.085	194
Tốt	0.45 – 0.56	131 – 138	0.070 – 0.72	170 – 190	0.50 – 0.59	133 – 142	0.065 – 0.075	176 – 199	0.54 – 0.62	135 – 141	0.066 – 0.075	183 – 199	0.56 – 0.64	135 – 138	0.065 – 0.08	182 – 194
Khá	0.57 – 0.62	126 – 130	0.06 – 0.65	160 – 169	0.64 – 0.70	128 – 132	0.06 – 0.055	164 – 175	0.63 – 0.66	132 – 134	0.06 – 0.058	174 – 182	0.65 – 0.68	133 – 134	0.06 – 0.066	177 – 181
Trung Bình	0.63 – 0.91	104 – 129	0.053 – 0.059	108 – 159	0.69 – 0.90	103 – 131	0.05 – 0.054	104 – 163	0.67 – 0.85	115 – 131	0.05 – 0.059	131 – 173	0.69 – 0.90	122 – 132	0.05 – 0.058	149 – 176

Bảng 5. Bảng tiêu chuẩn các thông số kỹ thuật Đấm xóc của Nữ VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia (n = 9)

Thông số	Đấm xóc tấn công vùng đầu										Đấm xóc tấn công vùng bụng									
	Tay Trước					Tay sau					Tay Trước					Tay sau				
	T (s)	F (KG)	D (s)	SQ	T (s)	F (KG)	D (s)	SQ	T (s)	F (KG)	D (s)	SQ	T (s)	F (KG)	D (s)	SQ	T (s)	F (KG)	D (s)	SQ
Rất tốt	0.63	117	0.07	135	0.61	135	0.07	181	0.63	124	0.075	149	0.65	130	120	0.08	165			
Tốt	0.64 – 0.70	112 – 116	0.055 – 0.069	124 – 134	0.062 – 0.68	123 – 134	0.055 – 0.069	151 – 180	0.64 – 0.70	114 – 123	0.055 – 0.07	129 – 148	0.66 – 0.71	120 – 129	0.065 – 0.075	145 – 164				
Khá	0.71 – 0.73	109 – 111	0.054 – 0.05	119 – 123	0.069 – 0.71	117 – 122	0.054 – 0.50	137 – 150	0.71 – 0.74	109 – 113	0.054 – 0.5	119 – 128	0.72 – 0.74	116 – 119	0.06 – 0.055	135 – 144				
Trung Bình	0.74 – 0.85	110 – 100	0.04 – 0.049	90 – 118	0.72 – 0.87	85 – 116	0.04 – 0.049	67 – 136	0.75 – 0.92	83 – 108	0.40 – 0.049	68 – 118	0.75 – 0.90	93 – 115	0.05 – 0.54	83 – 135				

tôi tiến hành xây dựng bảng điểm tổng hợp đánh giá thông số động học một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia theo 5 mức: Tốt, khá, trung bình, yếu và kém, kết quả trình bày tại bảng 6.

Bảng 6. Bảng điểm tổng hợp đánh giá thông số động học đánh giá một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia

Phân loại điểm tổng hợp	Mức điểm
Tốt	≥ 36
Khá	28 – 35
Trung bình	20 – 27
Yếu	≤ 19
Kém	≥ 16

Qua bảng 6 cho phép đánh giá tổng hợp đánh giá thông số động học đánh giá một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia, đồng thời đây cũng là căn cứ quan trọng giúp các HLV trong công tác đánh giá trình độ tập luyện VĐV được sát thực hơn, từ đó, có những điều chỉnh về nội dung và lượng vận động huấn luyện cho phù hợp.

3. KẾT LUẬN

Thông qua nghiên cứu đã lựa chọn được 04 chỉ số đánh giá thông số động học của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia. Đồng thời xây dựng được bảng phân loại, bảng điểm và bảng điểm tổng hợp đánh giá thông số động học một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia.



Ảnh minh họa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aulic. I.V (1982), *Đánh giá trình độ tập luyện thể thao*, NXB TĐTT, Hà Nội..
2. Lưu Quốc Hưng, Trần Tuấn Hiếu, Lý Đức Trường (2014), *Giáo trình*
3. Trần Tuấn Hiếu (2003), *Nghiên cứu sự phát triển sức mạnh tốc độ của VĐV Karate do (từ 12 - 15 tuổi*, Luận án Tiến sĩ giáo dục học, Viện khoa học TĐTT, Hà Nội.
4. Nguyễn Huy Hiếu (2012), “*Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn chuyên môn chọn nam VĐV trẻ Boxing lứa tuổi 14 – 15 thành phố Hải Phòng*”, Luận văn thạc sỹ, ĐHTĐTT Bắc Ninh.
5. Đỗ Như Quỳnh (2012), “*Nghiên cứu tiêu chuẩn tuyển chọn nữ VĐV Boxing giai đoạn chuyên môn hóa sâu thành phố Hà Nội*”, Luận văn thạc sỹ, ĐHTĐTT Bắc Ninh.
6. Nguyễn Đức Văn (2001), *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

Nguồn bài báo: Bài báo trích từ kết quả nhiệm vụ thường xuyên, “*Nghiên cứu sử dụng thiết bị đo xung lực SM 103 đánh giá một số kỹ thuật đấm của VĐV Boxing đội tuyển trẻ quốc gia*”, Viện khoa học TĐTT, 2016.

Ngày nhận bài: 19/2/2022; **Ngày duyệt đăng:** 25/3/2022